

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **100A/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngô Thị T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp TH, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: **Phạm Hòa T1**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:*

Chị và anh T1 có phát sinh tình cảm từ năm 2009 và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2016 tại UBND xã Tam Hiệp. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp và có mâu thuẫn về tài chính vì hai vợ chồng có mua phần đất của bà ngoại chồng nhưng anh T1 cũng không yêu cầu làm thủ tục sang tên nên dẫn đến cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên có hòa giải nhưng không hàn gắn được. Từ ngày ly thân đến nay thì anh T1 chỉ đến 01 lần hứa rước về nhưng sau đó không đến chỉ có nhắn tin liên lạc. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T1.
- Về con chung: Không có
- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Hòa T1 trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là không lớn. Cụ thể do khi mua đất của bà ngoại nhưng do bà ngoại cần phải bán hết diện tích đất mới làm thủ tục sang tên 01 lần, nên chưa thực hiện việc sang tên, dẫn đến giữa vợ chồng xảy ra xung đột và vợ anh đã bỏ về gia đình cha mẹ ở từ đầu năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh có đến nhà vợ 01-02 lần nhưng lý do vợ không đồng ý về xin lỗi cha mẹ anh nên anh không đến nữa. Nay yêu cầu vợ quay về xin lỗi cha mẹ anh, anh sẽ cùng vợ tạo cuộc sống riêng. Nay không đồng ý ly hôn, nếu tòa cho ly hôn không tranh chấp gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Chị T thì xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 có phát sinh tình cảm từ năm 2009 và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2016 tại UBND xã Tam Hiệp, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Theo khai nhận giữa các bên đủ cơ sở xác định: Sau khi kết hôn thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng giữa anh T1 và Chị T hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên có xung đột trong cuộc sống, cụ thể là không có tiếng nói chung trong việc mua đất dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Phía anh T1 cho rằng anh vẫn còn thương vợ và mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên anh lại đưa ra điều kiện là vợ phải xin lỗi cha mẹ anh thì anh mới chấp nhận, trong khi Chị T không đồng ý điều kiện trên. Ngoài ra giữa hai bên đã ly thân trong thời gian dài (từ đầu năm 2019 đến nay) nhưng anh chỉ đến thăm Chị T 1-2 lần từ tháng 8/2019 đến nay và anh cũng xác định không còn cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T1 và Chị T khó có khả năng hàn gắn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T, cho Chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản: Anh T1 và Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Phạm Hòa T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002690 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Bùi Anh Tuấn